

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN HẢI PHƯƠNG
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN HẢI PHƯƠNG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HAI PHUONG MECHANICAL
ELECTRICAL JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: HAIPHUONG.,JCS

2. Mã số doanh nghiệp: 0110341524

3. Ngày thành lập: 05/05/2023

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 38, Ngõ 108, Đường Trần Phú, Phường Mộ Lao, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0964340477

Fax:

Email: HP.Company@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
5.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Loại trừ bán buôn đồ dùng phẩm và dụng cụ y tế	4649
6.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
7.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
8.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Loại trừ bán buôn máy móc, thiết bị y tế;	4659(Chính)
9.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: Trừ vàng miếng, vàng nguyên liệu;	4662
10.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
11.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
12.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu	8299
13.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
14.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
15.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
16.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
17.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
18.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu	7490

19.	Cho thuê xe có động cơ	7710
20.	Bán buôn tổng hợp Chi tiết: Trừ loại nhà nước cấm;	4690
21.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
22.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
23.	Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)	2513
24.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
25.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
26.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
27.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Trừ sản xuất huy hiệu và huân chương quân đội bằng kim loại;	2599
28.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
29.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
30.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
31.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
32.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
33.	Sản xuất đồng hồ	2652
34.	Sản xuất thiết bị bức xạ, thiết bị điện tử trong y học, điện liệu pháp	2660
35.	Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học	2670
36.	Sản xuất băng, đĩa từ tính và quang học	2680
37.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
38.	Sản xuất pin và ắc quy	2720
39.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731
40.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
41.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
42.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
43.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
44.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
45.	Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)	2811
46.	Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu	2812
47.	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác	2813
48.	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
49.	Sản xuất lò nướng, lò luyện và lò nung	2815
50.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816

51.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
52.	Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén	2818
53.	Sản xuất máy thông dụng khác	2819
54.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
55.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
56.	Sản xuất máy luyện kim	2823
57.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
58.	Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	2825
59.	Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da	2826
60.	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829
61.	Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác	2910
62.	Sản xuất thân xe ô tô và xe có động cơ khác, rơ moóc và bán rơ moóc	2920
63.	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe ô tô và xe có động cơ khác	2930
64.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
65.	Bốc xếp hàng hóa	5224
66.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
67.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
68.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
69.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
70.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
71.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
72.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
73.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
74.	Xây dựng nhà để ở	4101
75.	Xây dựng nhà không để ở	4102
76.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
77.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
78.	Xây dựng công trình điện	4221
79.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
80.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
81.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
82.	Xây dựng công trình thủy	4291
83.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
84.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
85.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299

86.	Phá dỡ	4311
87.	Chuẩn bị mặt bằng Chi tiết: Loại trừ dịch vụ nổ mìn; Hoạt động rà phá bom, mìn	4312
88.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
89.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
90.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
91.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
92.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
93.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
94.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Loại trừ bán lẻ vàng miếng, súng, đạn, tem và tiền kim khí;	4773

6. Vốn điều lệ: 4.500.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 450.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	TRƯƠNG VĂN KHÁNH	Số 38, ngõ 108, đường Trần Phú, Phường Mộ Lao, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	150.000	1.500.000.000	33,333	0360590055 46	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	150.000	1.500.000.000	33,333		
2	TRƯƠNG THỊ HOÀ	Số 11A1, Toà CT4, Khu đô thị mới Văn Khê, Phường La Khê, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	50.000	500.000.000	11,111	0171830002 70	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	50.000	500.000.000	11,111		

3	PHẠM THỊ BÍCH	Số 38, ngõ 108, đường Trần Phú, Phường Mộ Lao, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	250.000	2.500.000.000	55,556	0381600059 09
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	250.000	2.500.000.000	55,556	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	-----------------	---------------	---	--------------	---	------------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: PHẠM THỊ BÍCH

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 12/03/1960

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 038160005909

Ngày cấp: 19/11/2018

Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Số 37, Tập thể Công an, Tổ dân phố 7, Phường Mộ Lao, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 38, ngõ 108, đường Trần Phú, Phường Mộ Lao, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội